

TCVN

T I Ê U C H U Ẩ N Q U Ố C G I A

TCVN 4614:2012

Xuất bản lần 2

**HỆ THỐNG TÀI LIỆU THIẾT KẾ LIỆU XÂY DỰNG-
KÝ HIỆU QUY ƯỚC CÁC BỘ PHẬN CẤU TẠO NGÔI NHÀ**

System of building design documents – Symbols for elements of buildings

HÀ NỘI – 2012

Mục lục

1	Phạm vi áp dụng	5
2	Ký hiệu lỗ trống	6
3	Ký hiệu cửa sổ	6
4	Ký hiệu cửa đi	9
5	Ký hiệu cầu thang và đường dốc.....	11
6	Ký hiệu vách ngăn.....	12
7	Ký hiệu các bộ phận cần sửa chữa	13

Lời nói đầu

TCVN 4614 : 2012 thay thế TCVN 4614 : 1988.

TCVN 4614 : 2012 được chuyển đổi từ TCVN 4614 : 1988 theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm b), khoản 1, điều 6 Nghị định 127/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

TCVN 4614 : 2012 do Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - Bộ Xây dựng biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng-

Ký hiệu quy ước các bộ phận cấu tạo ngôi nhà

System of building design documents. Symbols for elements of buildings

1 Phạm vi áp dụng

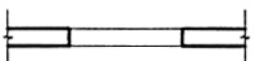
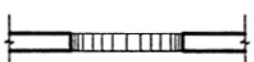
1.1 Tiêu chuẩn này quy định những ký hiệu quy ước thể hiện các bộ phận cấu tạo ngôi nhà trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

1.2 Các bộ phận cấu tạo ngôi nhà được ký hiệu quy ước trong tiêu chuẩn này gồm:

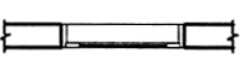
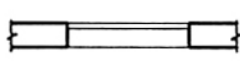
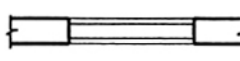
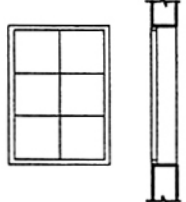
- a) Ký hiệu lỗ trống;
- b) Ký hiệu cửa sổ;
- c) Ký hiệu cửa đi;
- d) Ký hiệu đường dốc, cầu thang;
- e) Ký hiệu vách ngăn;
- f) Ký hiệu các bộ phận cần sửa chữa.

CHÚ THÍCH: Trường hợp sử dụng các ký hiệu không có trong tiêu chuẩn này phải chú thích trên bản vẽ.

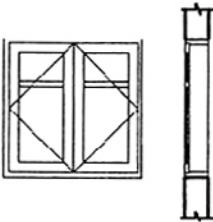
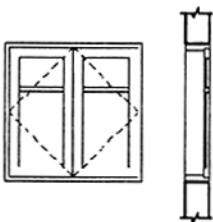
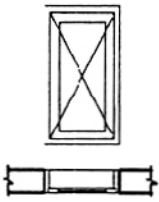
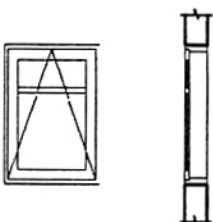
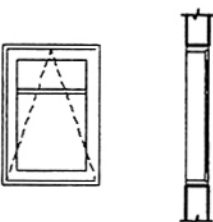
2 Ký hiệu lỗ trống (xem Bảng 1).**Bảng 1 - Các ký hiệu lỗ trống**

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
1 Lỗ trống không tới sát mặt sàn		Ký hiệu quy ước thể hiện trên mặt bằng.
2 Lỗ trống hình tròn, không tới sát mặt sàn		Ký hiệu quy ước thể hiện trên mặt bằng.
3 Lỗ trống tới sát mặt sàn		Ký hiệu quy ước thể hiện trên mặt bằng.

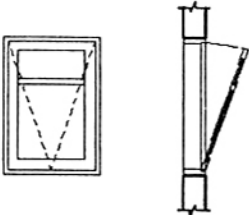
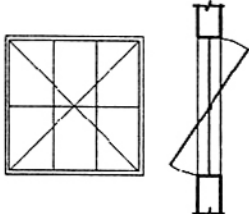
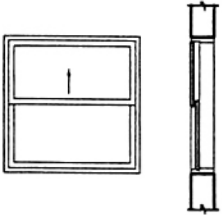
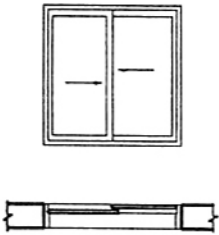
3 Ký hiệu cửa sổ (xem Bảng 2).**Bảng 2 - Các ký hiệu cửa sổ**

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
1 Cửa sổ đơn thể hiện trên mặt bằng		Hình vẽ tỷ lệ 1:100.
2 Cửa sổ kép thể hiện trên mặt bằng		
3 Cửa sổ đơn thể hiện trên mặt bằng		Hình vẽ tỷ lệ nhỏ hơn 1:100.
4 Cửa sổ kép thể hiện trên mặt bằng		
5 Cửa sổ đơn cố định thể hiện trên mặt cắt và mặt đứng		

Bảng 2 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
6 Cửa sổ đơn hai cánh quay theo bản lề đứng mở ra ngoài		Ký hiệu mở cửa quy ước là hình tam giác cân, đỉnh tam giác biểu thị phía có bản lề.
7 Cửa sổ đơn hai cánh quay theo hai bản lề đứng mở vào trong		
8 Cửa sổ đơn một cánh mở quay theo trục đứng ở giữa, thể hiện trên mặt bằng và mặt đứng		Khi thể hiện ký hiệu cần chú ý hướng quay của cánh cửa.
9 Cửa sổ đơn một cánh quay theo bản lề ngang trên mở ra ngoài		Hình tam giác ký hiệu mở cửa thể hiện nét liền là mở ra ngoài, nét đứt là mở vào trong.
10 Cửa sổ đơn một cánh quay theo bản lề ngang trên, mở vào trong		Chiều mở cánh cửa trên mặt cắt quy định vẽ theo độ chéch 30°.

Bảng 2 (Tiếp theo)

Tên ký hiệu	Ký hiệu	Chú thích
11 Cửa sổ đơn một cánh quay theo bản lề ngang dưới, mở vào trong		
12 Cửa sổ lật một cách quay theo trục ngang ở giữa		
13 Cửa sổ cánh đẩy lên, thể hiện trên mặt đứng và mặt cắt		
14 Cửa sổ cánh đẩy ngang thể hiện trên mặt bằng và mặt đứng		
15 Cửa sổ kép bốn cánh quay theo hai bản lề đứng mở cả hai chiều	